

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM
KỲ THI KTHP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 08/12/2025
Môn: KẾ TOÁN CHI PHÍ

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đáp án - thang điểm gồm 02 trang)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1		DVT: 1.000.000 đồng	
		d.Nợ TK 154 42.290 Có TK 621 27.600 Có TK 622 8.770 Có TK 627 5.920	0,5đ
		e. Đg SPDD theo chi phí định mức (VLTT bỏ từ đầu $D_{NVLTT} = (200 \times 8) + (100 \times 6) = 2.200$ $D_{NCTT} = (200 \times 50\% \times 2,5) + (100 \times 60\% \times 2) = 370$ $D_{SXC} = (200 \times 50\% \times 2) + (100 \times 60\% \times 1,5) = 290$ $\Rightarrow D_d = 2.200 + 370 + 290 = 2.860$	0,5đ
		* Tính giá thành thực tế theo khoản mục: - Chi phí NVLTT: $2.100 + 27.600 - 2.200 = 27.500$ - Chi phí NCTT: $320 + 8.770 - 370 = 8.720$ - Chi phí SXC: $245 + 5.920 - 290 = 5.875$	0,5đ
		* Tính giá thành kế hoạch theo khoản mục: - Chi phí NVLTT: $2.000 \times 8 + 1.500 \times 6 = 25.000$ - Chi phí NCTT: $2.000 \times 2,5 + 1.500 \times 2 = 8.000$ - Chi phí SXC: $2.000 \times 2 + 1.500 \times 1,5 = 6.250$	0,5đ
		* Tính tỷ lệ tính giá thành theo khoản mục: - $T_{NVLTT} = 27.500 / 25.000 = 1,1$ - $T_{NCTT} = 8.720 / 8.000 = 1,09$ - $T_{SXC} = 5.875 / 6.250 = 0,94$	0,5đ
		* Tính giá thành theo khoản mục của từng sản phẩm: - $Z_{NVLTTA} = 1,1 \times 2.000 \times 8 = 17.600$ $\Rightarrow Z_A = 17.600 / 2.000 = 8,8$ $Z_{NVLTTB} = 27.500 - 17.600 = 9.900$ $\Rightarrow Z_B = 9.900 / 1.500 = 6,6$ - $Z_{NCTTA} = 1,09 \times 2.000 \times 2,5 = 5.450$ $\Rightarrow Z_A = 5.450 / 2.000 = 2,725$ $Z_{NCTTB} = 8.720 - 5.450 = 3.270$ $\Rightarrow Z_B = 3.270 / 1.500 = 2,18$ - $Z_{SXCA} = 0,94 \times 2.000 \times 2 = 3.760$ $\Rightarrow Z_A = 3.760 / 2.000 = 1,88$ $Z_{SXC B} = 5.875 - 3.760 = 2.115$ $\Rightarrow Z_B = 2.115 / 1.500 = 1,41$	1,5đ
Tổng điểm câu 1			4,0đ

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
2		Định khoản (ĐVT: 1.000đ)	
	1	Nợ TK 152C 416.000 (8.000 kg x 52) Nợ TK 133 41.600 (416.000x10%) Có TK 331 457.600	0,5đ
	2	Nợ TK 152P 11.400 (1.200 kg x 10,45/1,1) Nợ TK 133 1.140 (1.200 x 1+ 60) Có TK 111 12.540	0,5đ
	3	Nợ TK 621 334.000 (100.000 + 4.500 x 52) Có TK 152C 334.000	0,25đ
	4	Nợ TK 621 18.000 (2.000 x 9) Nợ TK 627 4.500 (500 x 9) Có TK 152P 22.500	0,5đ
	5	Nợ TK 622 100.000 Nợ TK 627 40.000 Có TK 334 140.000 Nợ TK 622 23.500 (100.000 x 23,5%) Nợ TK 627 9.400 (40.000 x 23,5%) Nợ TK 334 14.700 (180.000 x 10,5%) Có TK 338 47.600	0,75đ
	6	Nợ TK 627 9.400 Có TK 214 9.400	0,25đ
	7	Nợ TK 627 12.000 (13.200/1,1) Nợ TK 133 1.200 Có TK 331 13.200	0,5đ
	8	Nợ TK 211 300.000 Nợ TK 133 29.400 Có TK 331 323.400 Có TK 152C 1.040 Có TK 112 4.960 Nợ TK 627 5.000 (300.000 x 20%/12) Có TK 214 5.000	1,0đ
	9	Nợ TK 627 2.000 (15.000/6 - 500) Nợ TK 111 500 Có TK 242 2.500	0,25đ
	10	Nợ TK 627 12.000 (10.000+2.000) Nợ TK 133 1.100 (10.000x10%+2.000x5%) Có TK 112 13.100	0,5đ
	11	Nợ TK 1528 1.000 Có TK 154 1.000	0,25đ
	12	Nợ TK 154 569.800 Có TK 621 352.000 Có TK 622 123.500 Có TK 627 94.300 Nợ TK 155 584.800 (25.000+569.800-10.000) Có TK 154 584.800	0,75đ
Tổng điểm câu 2			6,0đ